

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÂN GROUP
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NHÂN GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NHAN GROUP CORPORATION

Tên công ty viết tắt: NHAN GROUP ., CORP

2. Mã số doanh nghiệp: 0109851111

3. Ngày thành lập: 09/12/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 3, M01-17 Biệt thự Dương Nội, khu An Khang, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0394.532.712/0915.667.922

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
4.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống); Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ đấu giá)	4530
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Môi giới thương mại ; - Đại lý thương mại	4610
6.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: - Bán buôn thóc, lúa mì, ngô, hạt ngũ cốc khác, kể cả loại dùng để làm giống; - Bán buôn các loại hoa và cây trồng, kể cả cây cảnh và các loại dùng để làm giống; - Bán buôn các loại gia súc, gia cầm sống, kể cả loại dùng để nhân giống (bao gồm cả giống thủy sản); - Bán buôn thức ăn gia súc, gia cầm, thức ăn cho nuôi trồng thủy sản; - Bán buôn bán thành phẩm, phế liệu, phế thải từ các sản phẩm nông nghiệp dùng để chế biến thức ăn gia súc, gia cầm, thức ăn cho nuôi trồng thủy sản; - Bán buôn nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản; - Bán buôn hạt, quả có dầu; - Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác chưa được phân vào đâu.	4620
7.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631

8.	Bán buôn thực phẩm	4632(Chính)
9.	Bán buôn đồ uống	4633
10.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo	4634
11.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
12.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn văn phòng phẩm; Bán buôn xe đạp và phụ tùng xe đạp; Bán buôn nhạc cụ, sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi;	4649
13.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
14.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
15.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
16.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào nhóm nào, sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường.	4659
17.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn nhiên liệu, dầu mỡ nhờn, dầu bôi trơn như: Than đá, than củi, than cốc, gỗ nhiên liệu, naphtha; Dầu mỏ, dầu thô, diesel nhiên liệu, xăng, dầu nhiên liệu, dầu đốt nóng, dầu hỏa; Khí dầu mỏ, khí butan và propan đã hoá lỏng; Dầu mỡ nhờn, xăng dầu đã tinh chế.	4661
18.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt thép và kim loại màu ở dạng nguyên sinh; Bán buôn bán thành phẩm sắt thép và kim loại màu; (trừ kinh doanh vàng)	4662
19.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, véc ni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.	4663

20.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hoá chất công nghiệp như: Anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...; Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa; Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; Bán buôn cao su; Bán buôn sợi dệt...; Bán buôn bột giấy; Bán buôn đá quý; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại/phi kim loại, nguyên liệu để tái sinh bao gồm thu mua, sắp xếp, phân loại, làm sạch những hàng hóa đã qua sử dụng để lấy ra những phụ tùng có thể sử dụng lại (ví dụ: tháo dỡ ô tô, máy tính, ti vi cũ...), đóng gói, lưu kho và phân phối nhưng không thực hiện hoạt động nào làm biến đổi hàng hóa. Những hàng hóa được mua bán là những loại còn có giá trị.	4669
21.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
22.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
23.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
24.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
25.	Chăn nuôi gia cầm	0146
26.	Chăn nuôi khác	0149
27.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
28.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập, nhập khẩu hàng hoá ; - Ủy thác mua bán hàng hóa./.	8299
29.	Đào tạo trung cấp	8532
30.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
31.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
32.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Tư vấn du học	8560
33.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
34.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
35.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
36.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
37.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
38.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020

39.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát; tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật; tư vấn chuyển giao công nghệ phòng cháy và chữa cháy; - Dịch vụ điều tra, đo đạc và lập bản đồ; - Vẽ bản đồ và thông tin về không gian. - Lập dự án đầu tư, thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, thiết kế kỹ thuật thi công, đấu thầu cho công trình đường dây và trạm biến áp đến 220kv . - Tư vấn đầu tư xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp đến 220kv; - Tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp đến 220kv; - Khảo sát xây dựng: Khảo sát địa hình, Khảo sát địa chất công trình - Lập thiết kế quy hoạch xây dựng; - Kiểm định xây dựng; - Quản lý chi phí đầu tư xây dựng. - Tư vấn đấu thầu ; - Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu.	7110
40.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác; - Hoạt động trang trí nội thất.	7410
41.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Dịch vụ chuyển giao công nghệ: Tư vấn chuyển giao công nghệ; Xúc tiến chuyển giao công nghệ. ; - Tư vấn về công nghệ khác; - Tư vấn về môi trường;	7490
42.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê ô tô	7710
43.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
44.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
45.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
46.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
47.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
48.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
49.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
50.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
51.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
52.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040

53.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
54.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
55.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
56.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
57.	Sản xuất đường	1072
58.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
59.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
60.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
61.	Sản xuất chè	1076
62.	Sản xuất cà phê	1077
63.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
64.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
65.	Sản xuất sợi	1311
66.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
67.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
68.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
69.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
70.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
71.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
72.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
73.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
74.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
75.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
76.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
77.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
78.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
79.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
80.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
81.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
82.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
83.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
84.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
85.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
86.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
87.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
88.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
89.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610

90.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
91.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
92.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
93.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
94.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
95.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
96.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
97.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
98.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ đấu giá)	4791
99.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
100.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng ; Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô	4932
101.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;	4933
102.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
103.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
104.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; Logistics; Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay;	5210
105.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
106.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
107.	Bốc xếp hàng hóa	5224
108.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; Logistics; Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay;	5229
109.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
110.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
111.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
112.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
113.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5630
114.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng	7730
115.	Đại lý du lịch	7911

116.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế	7912
117.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
118.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
119.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt Chi tiết: - Dịch vụ vệ sinh bên ngoài cho tất cả các công trình, bao gồm các văn phòng, nhà máy, cửa hàng, cơ quan và các khu nhà đa mục tiêu khác; - Dịch vụ vệ sinh chuyên nghiệp cho khu nhà như làm sạch cửa sổ, làm sạch ống khói hoặc vệ sinh lò sưởi, lò thiêu, nồi cất, ống thông gió, các bộ phận của ống; - Vệ sinh và bảo dưỡng bể bơi; - Vệ sinh máy móc công nghiệp; - Vệ sinh mặt đường và tàu chở dầu trên mặt biển; - Dịch vụ tẩy uế và diệt trùng; - Quét đường và cào tuyết; - Dịch vụ vệ sinh khu nhà và các công trình khác chưa được phân vào đâu.	8129
120.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
121.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
122.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
123.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
124.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
125.	Thu gom rác thải độc hại	3812
126.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
127.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
128.	Xây dựng nhà để ở	4101
129.	Xây dựng nhà không để ở	4102
130.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
131.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
132.	Xây dựng công trình điện	4221
133.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
134.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
135.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
136.	Xây dựng công trình thủy	4291
137.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
138.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
139.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
140.	Phá dỡ	4311
141.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
142.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
143.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
144.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742

145.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
146.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
147.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
148.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
149.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
150.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
151.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
152.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
153.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
154.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
155.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ kính đeo mắt, kể cả các hoạt động phục vụ cho việc bán lẻ kính mắt như đo độ cận, độ viễn, mài lắp kính; Bán lẻ đồng hồ và đồ trang sức; Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh, hạt giống, phân bón, động vật cảnh và thức ăn cho động vật cảnh; Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ, đồ thờ cúng và hàng hóa phục vụ mục đích tín ngưỡng khác; Bán lẻ tranh, tượng và các tác phẩm nghệ thuật khác mang tính thương mại; Bán lẻ dầu hỏa, bình gas, than, củi sử dụng làm nhiên liệu để đun nấu trong gia đình;	4773

6. Vốn điều lệ: 9.996.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 999.660

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ QUANG DƯƠNG	Số 13, phố Tây Sơn, Phường Yết Kiêu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	142.800	1.428.000.000	14,286	0190800003 43	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	142.800	1.428.000.000	14,286		
2	TRANG THANH MINH THƯ	Số 25/1A Phú Thọ, Phường 1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	142.800	1.428.000.000	14,286	0791810061 60	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	142.800	1.428.000.000	14,286		

3	DƯƠNG THỊ THU HIỀN	Số 316/5/19 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP.Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	142.800	1.428.000.000	14,286	240596603
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	142.800	1.428.000.000	14,286	
4	NGUYỄN MINH QUÂN	Số 34/4 Nguyễn Thái Sơn, Phường 4, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	142.800	1.428.000.000	14,286	038083018473
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	142.800	1.428.000.000	14,286	
5	LÊ VĨNH HƯNG	Số 12, đường Yên Bình, Phường Hưng Phúc, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	142.800	1.428.000.000	14,286	186007838
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	142.800	1.428.000.000	14,286	

6	NGUYỄN VĂN MINH TRƯỜNG	Số 178 Hùng Vương, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	142.800	1.428.000.000	14,286	04808205478
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	142.800	1.428.000.000	14,286	
7	NGUYỄN HỒNG THANH	Cụm 4, Xã Liên Hà, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	142.800	1.428.000.000	14,286	001080010768
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	142.800	1.428.000.000	14,286	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN HỒNG THANH

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: *25/12/1980*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *001080010768*

Ngày cấp: *10/05/2021*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Cụm 4, Xã Liên Hà, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Cụm 4, Xã Liên Hà, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*